

Báo cáo thị trường

Báo cáo ngày: Lực mua của các nhà đầu tư cá nhân giúp VN-Index tăng điểm

21/11/2023

VN-Index duy trì đà tăng điểm

- VN-Index tăng điểm ngay từ đầu phiên nhờ lực mua mạnh từ các nhà đầu tư cá nhân và kết phiên ở mức 1,110 điểm (+0.6%)
- Khối ngoại tiếp tục bán ròng 588 tỷ VND trong phiên hôm nay. Trong đó:

Bán ròng mạnh nhất: VPB (211 tỷ), VNM (117 tỷ), FUSSVFL (59 tỷ)
 Mua ròng mạnh nhất: SSI (61 tỷ), VND (32 tỷ) và VCB (29 tỷ)

- Ở chiều ngược lại, TC trong nước mua ròng 52 tỷ VND. Trong đó:
 Mua ròng mạnh nhất: HDB (200 tỷ), FUSSVFL (61 tỷ), HPG (28 tỷ)
 Bán ròng mạnh nhất: MSB (110 tỷ), CTR (36 tỷ) và VPB (28 tỷ)

Nhà đầu tư có thể mở mua mới tại vùng 1,110 điểm

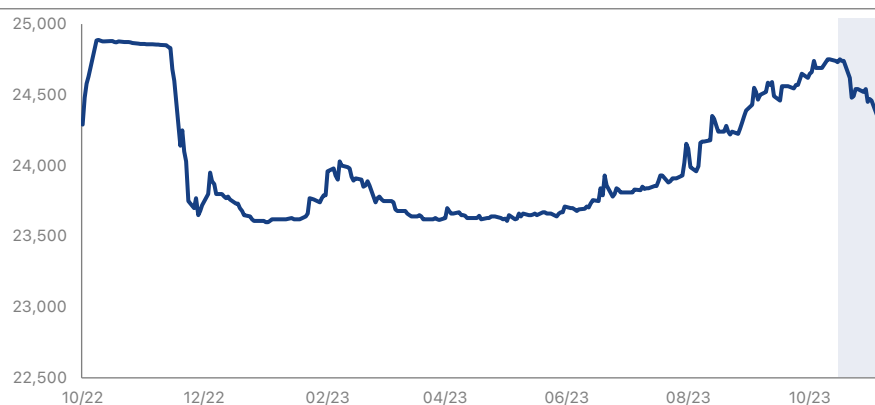
- Tại báo cáo thị trường hôm qua, chúng tôi nhận định thị trường sẽ có nhịp điều chỉnh về quanh vùng 1,080 điểm trước khi hồi phục. Tuy nhiên, nhịp điều chỉnh của VN-Index đã không đi đến vùng 1,080 điểm. Vì vậy, chúng tôi cho rằng thị trường đã quay lại nhịp tăng điểm và có thể hướng đến vùng 1,150-1,160 điểm trong những phiên tới
- Chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư nên mở mua mới tại vùng 1,110 điểm và chốt lời tại vùng mục tiêu trên

Chỉ số VN30F1M tăng 9 điểm trong phiên hôm nay.

- Chỉ số VN30F1M tăng 9 điểm trong phiên hôm nay và kết phiên ở mức 1,111 điểm
- Chênh lệch basis đạt mức 2.4 điểm

Tỷ giá USDVND giảm mạnh trong tháng 11 sẽ tạo nhiều dư địa hơn để thực hiện nới lỏng chính sách tiền tệ

Tỷ giá USDVND [VND]



Nguồn: Fiinpro, TVS Research

Ghi chú: Dữ liệu gồm 1115/1694 doanh nghiệp, chiếm 94.6% vốn hoá toàn thị trường

Tổng quan thị trường

Chỉ tiêu	Giá trị	%Thay đổi
VN-Index		
Đóng cửa	1,110	0.6%
KLGD [triệu CP]	663	-14.9%
GTGD [tỷ VND]	14,859	-12.3%
Khớp lệnh	12,677	-16.0%
Thoả thuận	2,182	17.5%
HNX-Index		
Đóng cửa	230	0.9%
KLGD [triệu CP]	99	-3.5%
GTGD [tỷ VND]	2,078	4.1%
UPCoM		
Đóng cửa	86	0.1%
KLGD [triệu CP]	28	-0.3%
GTGD [tỷ VND]	425	6.5%

Mục lục

- Diễn biến TT VN và quốc tế ▶
- Vì sao thị trường tăng điểm? ▶
- Quan điểm thị trường ▶
- Các thông tin đáng chú ý ▶
- Thị trường phái sinh & chứng quyền ▶
- Danh sách cổ phiếu khuyến nghị ▶
- Phụ lục: Tổng quan hiệu suất thị trường ▶

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Đức Anh

anhnd@tvs.vn

+84 24 32484820 Ext. 6417

Tổng quan thị trường hôm nay

Lực cầu từ NĐT cá nhân kéo VN-Index tăng điểm

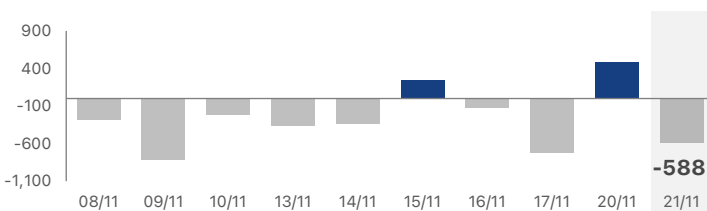
VN-Index ▲ 1,110 (+0.6%)
663.1 triệu CP 14,859 tỷ VND (-12.3%)

HNX-Index ▲ 230 (+0.9%)
98.7 triệu CP 2,078 tỷ VND (+4.1%)

UPCoM-Index ▲ 86 (+0.1%)
27.7 triệu CP 425 tỷ VND (+6.5%)

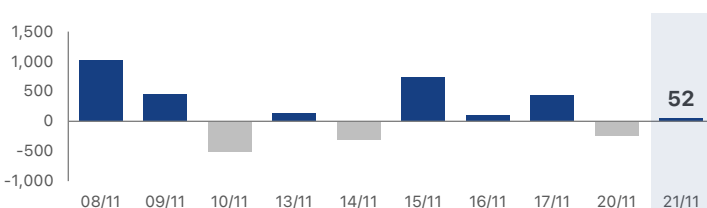
Khối ngoại quay lại xu hướng bán ròng

Giá trị mua/bán ròng của Tổ chức nước ngoài [tỷ VND]



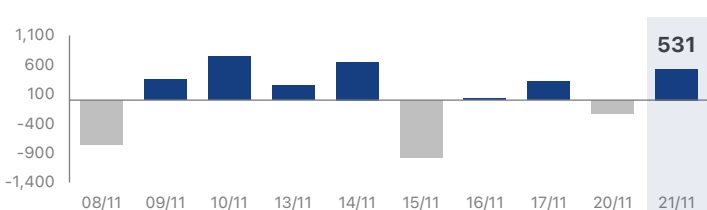
Tổ chức trong nước mua ròng 52 tỷ

Giá trị mua/bán ròng của Tổ chức trong nước [tỷ VND]



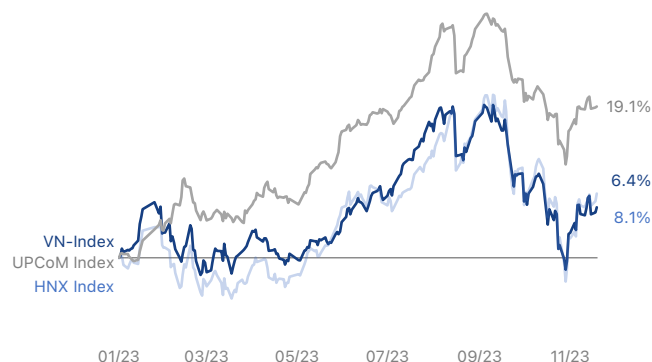
Sức mua trong phiên chủ yếu đến từ cá nhân trong nước

Giá trị mua/bán ròng của NĐT trong nước [tỷ VND]



Hiệu suất VN-Index thấp nhất trong 3 sàn

Hiệu suất tính từ đầu năm của các chỉ số [%]



VN-Index đang đng giao dịch tại mức P/E tương đối thấp so với các thị trường lớn trên thế giới

Hiệu suất từ đầu năm 2023 tới nay của các chỉ số chứng khoán chính [%]

Chỉ số	Quốc gia	Giá đóng cửa [điểm]	GTGD [triệu USD]	Thay đổi giá		Định giá		Chỉ báo kỹ thuật			
				1 ngày	YTD	P/E	P/B	Kháng cự	Hỗ trợ	RSI	MA (20)
VN-Index	Việt Nam	1,110	614	0.6%	10.3%	14.7	1.6	1,155	1,080	51	1,088
HNX-Index	Việt Nam	230	76	0.9%	11.9%	22.6	1.2	250	230	55	222
S&P 500	Mỹ	4,547	67,354	0.7%	18.4%	21.8	4.3	4,590	4,180	72	4,342
Dow Jones	Mỹ	35,151	15,226	0.6%	6.0%	20.5	4.5	35,600	34,000	71	33,914
FTSE 100	Anh	7,496	2,893	-0.1%	0.6%	11.0	1.7	7,700	7,200	54	7,406
Euro Stoxx 50	Euro	4,342	7,121	0.0%	14.5%	12.3	1.7	4,410	4,160	70	4,174
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,068	48,735	0.0%	-0.7%	14.0	1.3	3,310	3,000	54	3,038
SZSE Component	Trung Quốc	9,997	25,474	-0.3%	-9.2%	22.4	2.2	12,500	10,000	52	9,914
Hang Seng	Hồng Kông	17,734	6,302	-0.2%	-10.4%	9.9	1.0	20,300	16,700	52	17,483
Nikkei 225	Nhật Bản	33,354	17,915	-0.1%	27.8%	27.4	1.9	33,450	31,400	62	32,197
KOSPI	Hàn Quốc	2,510	5,036	0.8%	12.3%	17.1	0.9	2,650	2,470	61	2,403

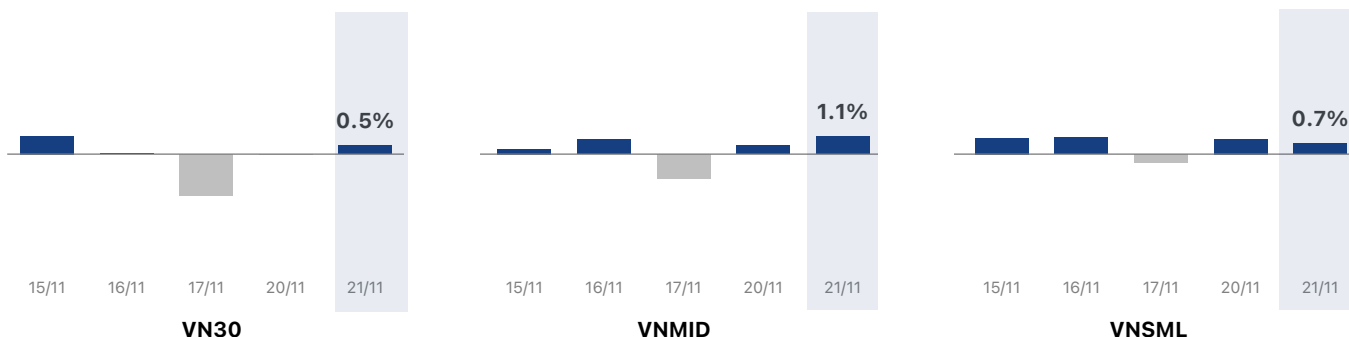
Ghi chú: Các chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 được lấy giá trị giao dịch ngày hôm trước

Nguồn: Bloomberg, TVS Research

Diễn biến giao dịch theo nhóm chỉ số & ngành

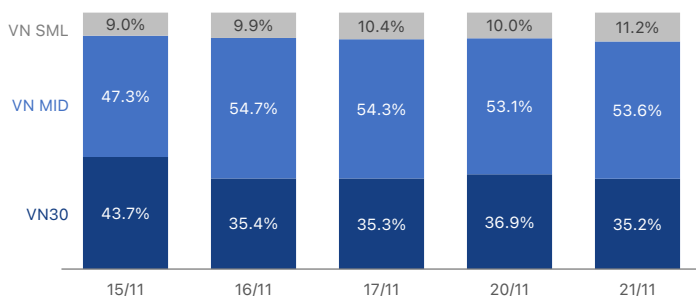
VNMID tăng điểm mạnh nhất trong phiên hôm nay

%Thay đổi 1 ngày của các nhóm chỉ số [%]



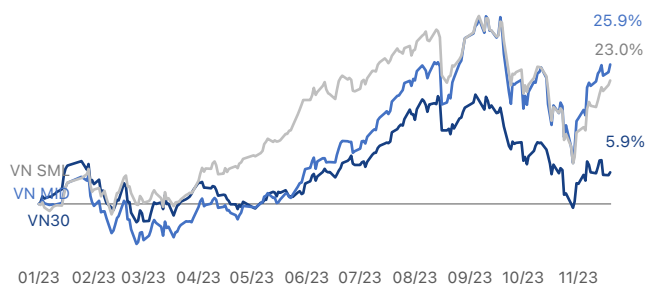
Dòng tiền tiếp tục tập trung chủ yếu vào nhóm VNMID

Tỷ trọng GTGD theo các nhóm chỉ số [%]



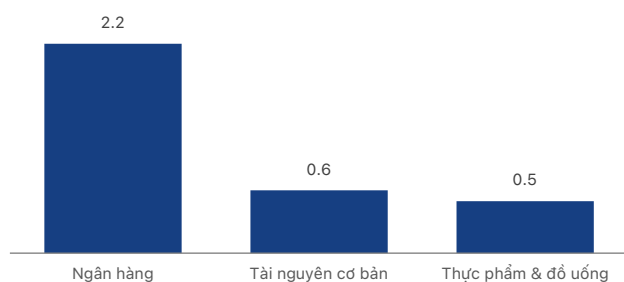
Hiệu suất VNMID đạt 25.9% tính từ đầu năm

Hiệu suất tính từ đầu năm của các chỉ số [%]



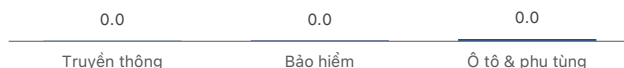
Ngành ngân hàng đóng góp tích cực nhất vào VN-Index...

3 ngành đóng góp tích cực nhất vào VN-Index [điểm]



... trong khi đó, nhóm Truyền thông đóng góp ít nhất

3 ngành tác động ít nhất vào VN-Index [điểm]



Bảng định giá các nhóm ngành

P/E TTM các nhóm ngành [x] và P/E TTM TB 5 năm [x]

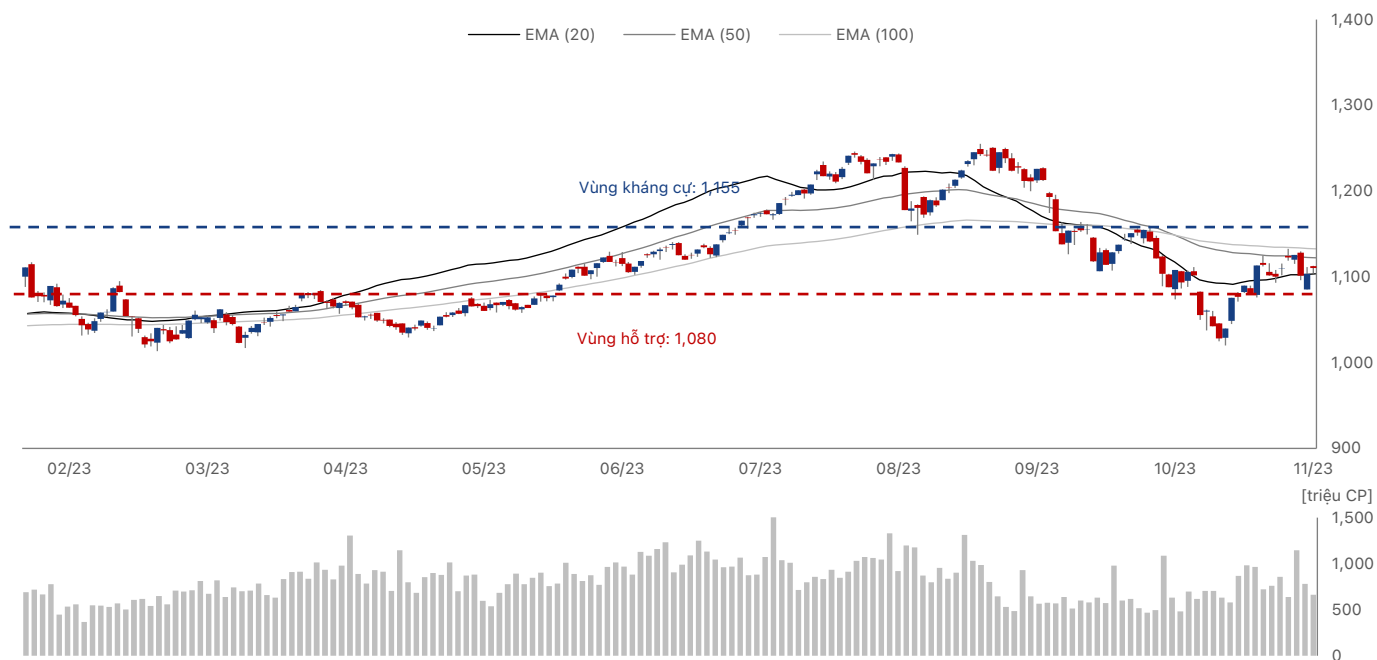
Ngành	P/E TTM	P/E TB 5 năm
Ngân hàng	8.9	10.9
Bất động sản	14.2	20.1
Thực phẩm và đồ uống	22.1	20.0
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.7	14.0
Tài nguyên Cơ bản	983.9	9.1
Dịch vụ tài chính	25.2	14.6
Hóa chất	17.2	14.4
Công nghệ Thông tin	20.2	16.1
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	12.9	16.9
Xây dựng và Vật liệu	32.7	16.4
Du lịch và Giải trí	-13.9	8.2
Bán lẻ	44.8	17.6
Dầu khí	11.1	16.3
Hàng cá nhân & Gia dụng	13.9	11.1
Bảo hiểm	12.8	19.5
Y tế	13.0	14.6
Ô tô và phụ tùng	20.9	15.0
Truyền thông	89.1	78.9
Viễn thông	312.3	86.0

Vì sao thị trường tăng điểm?

VN-Index tăng điểm trở lại, hướng đến 1,160 điểm

VN-Index kết phiên quanh mốc tham chiếu

Biểu đồ VN-Index và các chỉ báo kỹ thuật [điểm]



Chỉ báo động lượng	Giá trị	GT so sánh	Hành động	Chỉ báo trung bình động	Giá trị	GT so sánh	Hành động
Relative Strength Index	71	50	Bán	Simple Moving Average (20)	1,088	1,110	Mua
Stochastic %K	38	40	Bán	Simple Moving Average (50)	1,126	1,110	Bán
Momentum (10)	64	40	Mua	Simple Moving Average (100)	1,163	1,110	Bán
MACD level (12,36)	-2	0	Bán	Simple Moving Average (200)	1,116	1,110	Bán
Tín hiệu mua			1	Exponential Moving Average (20)	1,103	1,110	Mua
Tín hiệu trung tính			0	Exponential Moving Average (50)	1,122	1,110	Bán
Tín hiệu bán			3	Exponential Moving Average (100)	1,132	1,110	Bán
				Exponential Moving Average (200)	1,131	1,110	Bán
				Bollinger Band (20)	1,209	1,110	Bán
				Tín hiệu mua			2
				Tín hiệu trung tính			0
				Tín hiệu bán			7

- VN-Index tăng điểm ngay từ đầu phiên và duy trì đà tăng này nhờ sức mua của nhóm nhà đầu tư cá nhân
- Chúng tôi cho rằng VN-Index đã kết thúc nhịp giảm điểm và tăng trở lại, hướng đến vùng mục tiêu 1,150-1,160 điểm
- Do đó, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư có thể mở mua mới tại vùng 1,110 điểm và chốt lời tại vùng mục tiêu nêu trên

Nguồn: Fiinpro, TVS Research

Thông tin vĩ mô/Doanh nghiệp

Thông tin vĩ mô

Theo Quyết định 11/2023 của Thủ tướng Chính phủ, từ ngày 1/12/2023, các giao dịch có giá trị từ 400 triệu đồng trở lên phải báo cáo NHNN. Đối tượng báo cáo là tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan quy định tại khoản 1, 2 Điều 4 Luật Phòng, chống rửa tiền 2022.

Thông tin doanh nghiệp

CTG (HSX, giá đóng cửa: 29,400 VND, -0.5%): CTG dự kiến phát hành hơn 564 triệu cp để trả cổ tức với nguồn vốn phát hành từ lợi nhuận sau thuế, sau trích quỹ và chia cổ tức bằng tiền mặt năm 2020. Sau khi phát hành thành công, vốn điều lệ của CTG sẽ tăng từ 48,058 tỷ VND lên 53,701 tỷ VND.

BAF (HSX, giá đóng cửa: 25,750 VND, +1.0%): BAF thông qua phương án phát hành hơn 68.42 triệu cổ phiếu chào bán cho cổ đông theo tỷ lệ 1:0.48, với giá 10,000 VND/cổ phiếu. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý IV/2023.

- 1/11** **Việt Nam - Công bố PMI sản xuất**
Thực tế: 49.6 điểm, kỳ trước: 49.7 điểm
- Châu Âu - Công bố CPI T10/2023**
Thực tế: 2.9%, kỳ trước: 4.3%
- 2/11** **Mỹ - Công bố PMI sản xuất**
Thực tế: 46.7, kỳ trước: 49 điểm
- Mỹ - Chủ tịch FED phát biểu về**
- 4/11** **Mỹ - Số liệu thất nghiệp T10/2023**
Thực tế: 3.8%, kỳ trước: 3.8%
- 15/11** **Mỹ - Số liệu CPI YoY T10/2023**
Thực tế: 3.2%, trước đó: 3.7%
- 16/11** **Mỹ - Số liệu PPI YoY T10/2023**
Thực tế: 1.3%, trước đó: 2.2%
- Đáo hạn HĐ phái sinh chỉ số VN30**
- 20/11** **Việt Nam - Hội Quốc hội khóa 15, lần thứ 6**
- 29/11** **Số liệu kinh tế Việt Nam T11/2023**

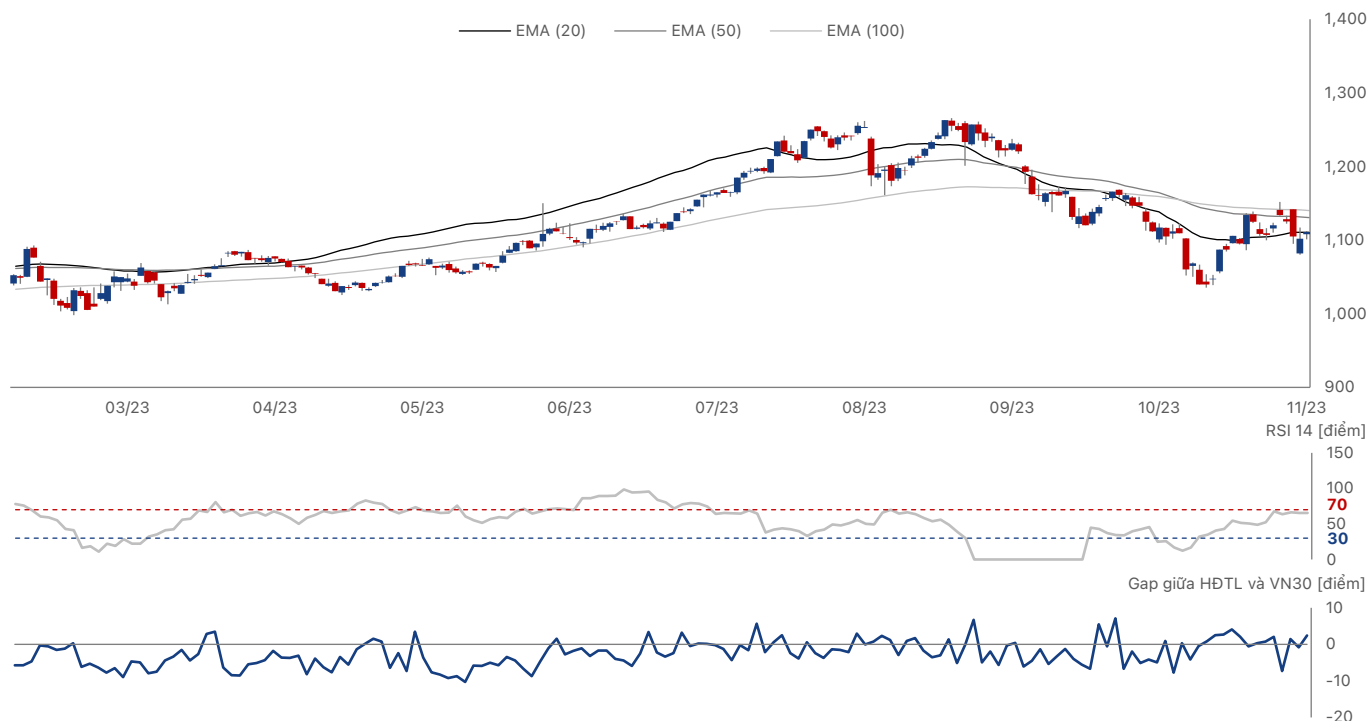
Vì sao thị trường tăng điểm?

Diễn biến thị trường phái sinh, chứng quyền

Thị trường phái sinh

Chỉ số VN30F1M tăng 9 điểm trong phiên hôm nay

Diễn biến hợp đồng tương lai VN30 [điểm]



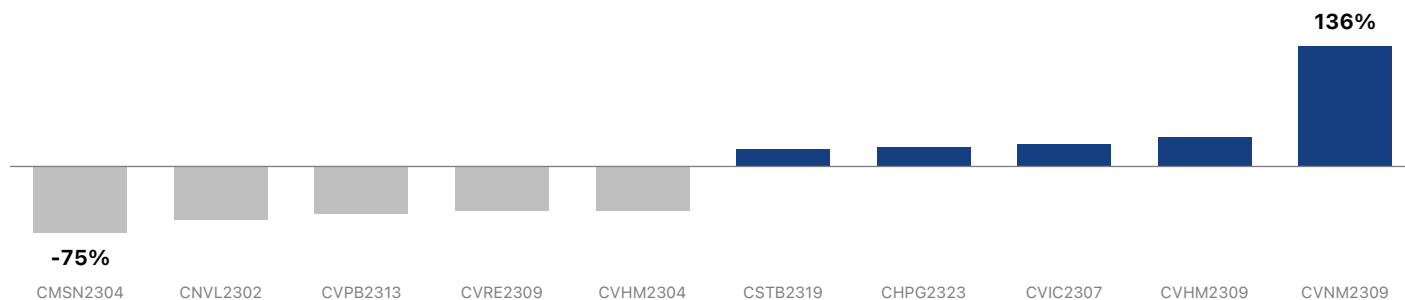
- Chỉ số VN30F1M tăng 9 điểm trong phiên hôm nay và kết phiên ở mức 1,111 điểm, chênh lệch basis giữa chỉ số phái sinh và cơ sở đạt mức 2.4 điểm
- Thanh khoản trên thị trường phái sinh giảm nhẹ trong phiên hôm nay với hơn 289 nghìn hợp đồng VN30F1M được giao dịch trong phiên, giảm 17.6% so với phiên hôm qua

Số mã tăng chiếm ưu thế trên thị trường chứng quyền

- Thị trường chứng quyền có 109 mã tăng điểm mức bình quân 32.4% và 76 mã giảm ở mức bình quân 10.2%

Mã chứng quyền CVNM2309 tăng 136% trong phiên hôm nay

Diễn biến thị trường chứng quyền [%]



Nguồn: Fiinpro, TVS Research

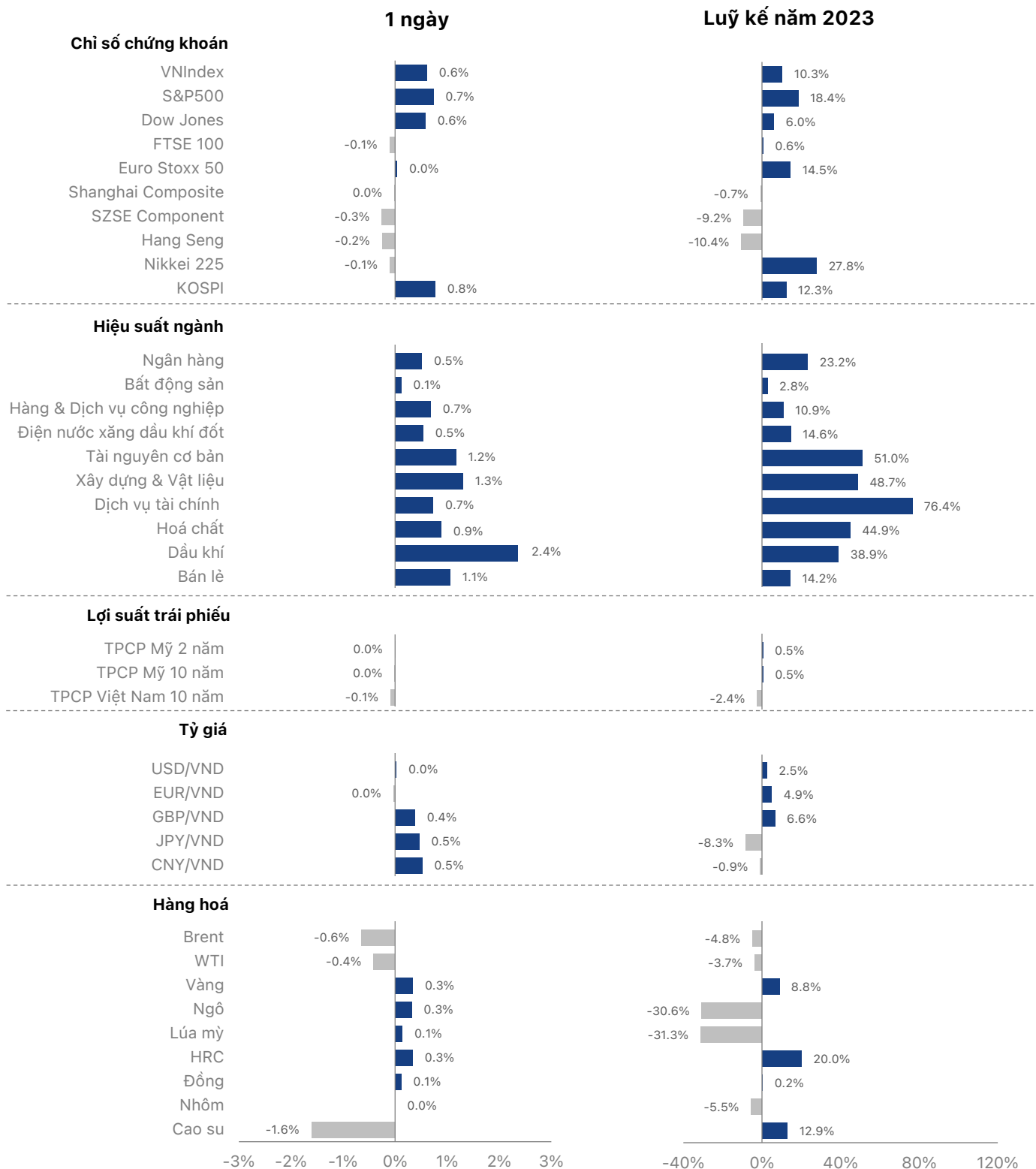
Danh sách cổ phiếu khuyến nghị

Mã	Ngành ICB cấp 2	Thông tin thị trường					Định giá				
		Giá đóng cửa [VND]	Vốn hoá [tỷ VND]	Beta 6m	% ngày	% YTD	P/E (TTM)	P/B (TTM)	Giá mục tiêu	+/-	Ngày ra BC
VCB	Ngân hàng	86,600	484,015	0.2	1%	27%	14.4	3.0	120,800	39%	28/08
TCB	Ngân hàng	30,800	108,331	1.2	-1%	20%	6.3	0.9	45,500	48%	28/08
MBB	Ngân hàng	18,100	94,375	0.8	1%	24%	4.2	1.1	29,600	64%	28/08
PVS	Dầu khí	38,500	18,402	1.1	5%	74%	20.9	1.5	43,000	12%	25/07
PLX	Dầu khí	33,800	42,946	1.0	1%	8%	12.9	1.7	41,300	22%	25/07
BSR	Dầu khí	19,200	59,055	1.5	2%	46%	7.6	1.1	19,700	3%	25/07
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	11,700	27,400	1.0	0%	9%	19.2	0.9	14,550	24%	31/03
PVD	Dầu khí	27,800	15,453	1.5	4%	50%	35.6	1.1	27,500	-1%	06/03
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	79,000	181,442	0.6	1%	-4%	15.0	3.0	126,100	60%	07/02
DXG	Bất động sản	20,250	12,353	1.7	1%	58%	-44.4	1.3	N/A	N/A	N/A

Danh sách báo cáo phát hành gần đây

Loại báo cáo	Tiêu đề	Công ty/Ngành	Ngày phát hành
Báo cáo ngành	Báo cáo kết quả kinh doanh Q3/2023	Toàn thị trường	07/11/2023
Báo cáo doanh nghiệp	Cập nhật kết quả kinh doanh 9T/2023	FRT	20/11/2023
Báo cáo doanh nghiệp	Cập nhật kết quả kinh doanh 9T/2023	IDC	17/11/2023
Báo cáo doanh nghiệp	Cập nhật kết quả kinh doanh 9T/2023	DGW	16/11/2023
Báo cáo doanh nghiệp	Cập nhật kết quả kinh doanh 9T/2023	VNM	14/11/2023
Báo cáo doanh nghiệp	Cập nhật kết quả kinh doanh 9T/2023	HDB	13/11/2023
Báo cáo doanh nghiệp	Cập nhật kết quả kinh doanh 9T/2023	KBC	10/11/2023
Báo cáo doanh nghiệp	Cập nhật kết quả kinh doanh 9T/2023	GMD	09/11/2023
Báo cáo doanh nghiệp	Cập nhật kết quả kinh doanh 9T/2023	DGC	09/11/2023
Cập nhật thị trường	Báo cáo thị trường chứng khoán tháng 10/2023	Thị trường	07/11/2023
Cập nhật vĩ mô	Báo cáo vĩ mô tháng 10/2023	Vĩ mô	06/11/2023
Báo cáo doanh nghiệp	Cập nhật kết quả kinh doanh 9T/2023	ACB	06/11/2023

Tổng quan hiệu suất thị trường



Ghi chú: Các ngành được tính hiệu suất bao gồm cổ phiếu trên cả 3 sàn HSX, HNX và UPCoM

Các chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 tính toán dựa trên giá đóng cửa phiên giao dịch ngày hôm trước

Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, TVS Research

Tổng quan KQKD Q3/2023 toàn thị trường

Mã	Giá đóng cửa	Vốn hóa	DT Q3/2023	% YoY	DT 9T2023	% YoY	LNST Q3/2023	% YoY	LNST 9T2023	% YoY	ROE (TTM)	ROA (TTM)	EPS (TTM)	BVPS	P/E (TTM)	P/B (TTM)
Ngân hàng (27/27 DN)		1,796,455	137,693	-0.2%	418,838	2.1%	47,679	-1.4%	150,060	-2.5%	17.1%	1.5%			9.3	1.5
VCB	87,900	491,281	15,777	-5.6%	51,765	4.7%	7,275	19.9%	23,694	18.6%	22.7%	1.9%	5,797	27,178	14.8	3.2
BID	42,850	216,758	17,887	1.9%	52,422	1.0%	4,728	-11.7%	15,837	11.6%	18.4%	0.9%	4,025	21,626	9.9	1.9
VPB	20,000	158,678	11,262	-16.4%	36,402	-19.2%	2,428	-31.5%	6,530	-58.6%	10.2%	1.5%	1,532	15,547	14.7	1.5
CTG	29,500	141,770	17,393	0.4%	52,183	10.2%	3,895	17.3%	13,990	10.2%	15.8%	1.0%	3,664	24,399	7.7	1.2
TCB	31,500	110,793	10,418	0.8%	29,044	-7.7%	4,669	-13.0%	13,709	-18.7%	14.4%	2.3%	5,061	34,472	6.2	0.9
Bất động sản (100/130 DN)		859,696	104,760	29.3%	303,949	55.3%	15,542	-32.5%	47,344	6.0%	9.0%	3.2%			14.5	1.2
VHM	42,900	186,802	32,724	83.8%	94,636	203.3%	10,724	-26.4%	32,396	61.6%	25.5%	10.7%	10,341	38,333	4.2	1.1
VIC	45,400	173,153	47,948	66.8%	134,207	122.4%	567	12.0%	1,556	-1.0%	3.3%	0.6%	1,395	29,483	31.4	1.5
BCM	61,000	63,135	1,127	-50.2%	3,012	-46.5%	216	-16.8%	265	-84.1%	2.6%	0.9%	418	16,349	150.3	3.8
VRE	24,300	55,217	3,333	66.2%	7,449	42.6%	1,317	65.9%	3,341	71.8%	11.8%	9.4%	1,588	15,587	16.7	1.7
NVL	16,300	31,787	1,073	-67.3%	2,731	-65.4%	137	-42.1%	-958	N/A	-1.6%	-0.2%	(295)	18,681	-44.0	0.7
Thực phẩm và đồ uống (101/154 DN)		589,578	110,810	-3.2%	311,959	-3.4%	8,403	-8.3%	23,572	-17.1%	12.0%	5.6%			19.5	2.3
VNM	70,700	147,760	15,637	-2.8%	44,750	-0.3%	2,533	9.1%	6,669	-0.6%	26.8%	16.5%	3,935	16,014	18.8	4.6
MSN	62,800	89,857	20,155	3.2%	57,470	3.5%	485	-42.4%	1,353	-65.8%	3.1%	0.6%	919	18,519	74.3	3.7
SAB	63,900	81,956	7,415	-14.1%	21,941	-12.1%	1,074	-23.0%	3,289	-25.7%	17.4%	12.7%	3,518	18,871	19.4	3.6
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp (155/268 DN)		431,091	70,125	-0.5%	195,399	-9.1%	8,845	-7.0%	26,222	-6.4%	14.7%	7.9%			12.2	1.7
ACV	70,400	154,102	5,328	27.2%	14,985	54.1%	2,764	15.3%	7,007	20.0%	18.0%	13.3%	3,638	21,407	20.3	3.5
VEA	38,400	51,059	884	-28.2%	2,869	-17.6%	1,540	-19.7%	4,722	-8.1%	26.4%	24.4%	5,689	21,164	6.5	1.7
REE	57,000	23,296	1,962	-12.2%	6,505	3.2%	465	-44.2%	2,144	-15.8%	14.9%	7.0%	6,445	40,042	9.4	1.5
Xây dựng và vật liệu (204/345 DN)		244,367	56,574	-11.9%	152,723	-14.3%	2,789	-1.3%	7,151	-46.0%	4.8%	1.7%			24.9	1.1
VGC	50,000	22,418	3,471	8.1%	10,174	-10.1%	434	63.9%	1,211	-29.2%	17.5%	5.9%	2,651	17,535	18.6	2.8
HUT	20,100	17,939	2,556	742.0%	3,180	316.7%	12	27.9%	29	-73.7%	1.0%	0.3%	120	4,372	182.3	5.0
VCG	23,050	12,319	2,382	-25.0%	8,915	33.1%	27	-89.0%	205	-78.9%	4.0%	0.9%	672	13,067	33.3	1.7
Tài nguyên Cơ bản (81/116 DN)		262,045	105,807	-6.1%	308,018	-18.8%	2,053	N/A	3,768	-71.9%	-0.1%	-0.1%			-948.4	1.3
HPG	26,700	155,255	28,484	-16.5%	84,569	-26.8%	2,000	N/A	3,831	-63.3%	1.9%	1.1%	(328)	16,816	-73.1	1.4
MSR	15,200	16,727	3,590	1.8%	10,905	-6.4%	-213	625.6%	-700	N/A	-6.3%	-2.3%	(673)	13,285	-23.9	1.2
HSG	20,800	12,812	0	-100.0%	0	-100.0%	0	-100.0%	0	-100.0%	0.2%	0.1%	(2,114)	16,804	-8.0	1.0
Dịch vụ tài chính (42/60 DN)		243,672	12,301	21.6%	33,356	-4.8%	3,225	138.3%	8,410	18.4%	5.9%	2.5%			25.1	1.4
SSI	30,850	46,248	1,941	44.0%	5,111	2.5%	710	111.1%	1,780	21.6%	9.0%	3.8%	1,097	14,576	28.8	2.2
HCM	29,000	13,259	824	8.5%	2,042	-32.3%	214	29.7%	495	-31.9%	7.8%	4.1%	1,250	17,320	22.4	1.6
SHS	17,300	14,068	484	62.4%	1,469	57.6%	199	125.3%	381	1802.0%	5.4%	4.8%	507	12,086	32.5	1.4
Các ngành khác (405/566 DN)		1,452,044	473,872	-2.7%	1,368,112	-6.4%	17,508	-20.2%	57,023	-35.0%	9.5%	4.1%			19.1	1.8
GAS	80,000	183,739	22,126	-9.1%	67,383	-14.3%	2,404	-22.2%	9,017	-23.1%	19.4%	14.3%	5,567	28,759	14.9	2.9
FPT	92,500	117,472	13,762	23.4%	37,927	22.4%	2,076	18.2%	5,741	18.2%	26.7%	10.8%	4,596	19,017	20.2	4.9
BSR	19,100	59,061	37,756	-4.6%	105,491	-16.8%	3,235	611.2%	6,186	-52.0%	14.7%	9.8%	1,596	16,681	12.9	1.2
VJC	108,400	58,711	14,235	22.7%	43,738	58.8%	55	30.4%	192	2.4%	-14.0%	-2.9%	(4,026)	27,420	-26.1	3.8
PLX	33,950	43,137	72,414	-1.7%	205,596	-8.9%	729	284.3%	2,288	359.1%	13.4%	4.4%	2,125	19,510	16.5	1.8
VN30 (30/30 DN)	1,109	3,154,352	455,464	6.7%	1,329,565	7.1%	69,314	-1.0%	210,253	-2.4%	14.9%	2.0%			11.9	1.7
VN100 (96/100 DN)	1,118	3,962,682	568,781	3.1%	1,670,458	2.5%	80,996	-7.2%	252,373	-8.6%	13.7%	2.1%			12.3	1.6
HOSE (386/416 DN)	1,110	4,438,718	724,643	-0.8%	2,135,025	-0.8%	83,963	-9.4%	264,396	-10.5%	12.1%	2.0%			13.4	1.6
HNX (322/333 DN)	230	304,698	101,885	3.7%	295,194	-0.9%	3,415	-0.1%	11,711	-16.9%	6.9%	2.2%			18.8	1.2
UPCOM (407/914 DN)	86	1,059,697	245,414	-1.7%	662,134	-11.5%	18,666	13.0%	47,443	-29.1%	9.8%	3.1%			16.9	1.6

Ghi chú: Vốn hoá, DT và LNST tính bằng đơn vị tỷ VND
 Giá đóng cửa, EPS, BVPS tính bằng đơn vị VND/cổ phiếu
 Nguồn: Fiinpro, TVS Research

Tuyên bố miễn trừ

Báo cáo này được viết và phát hành bởi CTCP Chứng khoán Thiên Việt (TVS). Báo cáo được dựa trên các thông tin được thu thập từ các nguồn TVS đánh giá là đáng tin cậy, tuy nhiên TVS không chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Nhận định và quan điểm trong báo cáo thể hiện ý kiến của chuyên viên phân tích tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không đại diện cho quan điểm chung của TVS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo cho nhà đầu tư, không nhằm mục đích chào mời, xúi giục mua hoặc bán bất cứ chứng khoán nào được đề cập. Nhà đầu tư toàn quyền quyết định và tự chịu rủi ro trong việc sử dụng các thông tin và tham khảo các nhận định trên báo cáo. TVS tuyên bố miễn trách đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

Hệ thống khuyến nghị

Các khuyến nghị Mua, Bán hoặc Nắm giữ chứng khoán được xác định dựa trên tổng lợi nhuận kỳ vọng, bằng tổng của chênh lệch giữa giá mục tiêu và thị giá hiện tại của cổ phiếu cộng với lợi tức cổ tức kỳ vọng. Các định nghĩa về Mức khuyến nghị cụ thể như sau:

Xếp hạng khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm > 20%
NẮM GIỮ	Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm khoảng từ -10% đến 20%
BÁN	Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm < -10%

Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt – www.tvs.vn

Hà Nội

Tầng 15, tòa nhà Harec
4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
Phone: +84 (24) 7300 6588
Fax: +84 (24) 3248 4821

Hồ Chí Minh

Tầng 9, tòa nhà Bitexco Nam Long
63A Võ Văn Tần, Quận 3, Hồ Chí Minh
Phone: +84 (28) 7300 6588
Fax: +84 (28) 299 2088

Thông tin liên hệ

BỘ PHẬN NGHIÊN CỨU

Vương Chí Tâm, CFA, FRM

P. Giám đốc phân tích
tamvc@tvs.vn

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Chuyên viên cao cấp
hanhntk@tvs.vn

Nguyễn Đức Anh

Chuyên viên
anhnd@tvs.vn

Phạm Nguyên Long

Chuyên viên cao cấp
longpn@tvs.vn

Tiêu Phan Thanh Quang

Chuyên viên
quangtpt@tvs.vn

Trương Hoàng Phương

Chuyên viên cao cấp
phuongth@tvs.vn

Nguyễn Văn Đạt

Chuyên viên
datnv@tvs.vn